

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI

SÁNG KIẾN

ĐỀ TÀI:

**“KÍCH THÍCH HỨNG THÚ HỌC TẬP, PHÁT HUY TÍNH
SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG
TRẢI NGHIỆM KẾT NỐI KHI DẠY HỌC HOÁ HỮU CƠ 12
(LĨNH VỰC HOÁ HỌC)”**

Tác giả:

1. Nguyễn Thị Thu Hằng

Tổ: Khoa học tự nhiên

Năm thực hiện: 2021 - 2022

Số điện thoại: 0942698025

2. Nguyễn Thị Biên

Tổ: Khoa học tự nhiên

Năm thực hiện: 2021 - 2022

Số điện thoại: 0366838344

SÁNG KIẾN

ĐỀ TÀI:

**“KÍCH THÍCH HỨNG THÚ HỌC TẬP, PHÁT HUY TÍNH
SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG
TRẢI NGHIỆM KẾT NỐI KHI DẠY HỌC HOÁ HỮU CƠ 12
(LĨNH VỰC HOÁ HỌC)**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. Lí do chọn đề tài	1
II. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài	3
III. Thời gian, đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
IV. Đóng góp của đề tài	4
PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	5
I. Cơ sở lý luận	5
II. Cơ sở thực tiễn	7
II.1. Vai trò của bộ môn hóa học trong việc hình thành và phát triển trí dục học sinh.	7
II.2. Vai trò của bộ môn hóa học trong việc hình thành và phát triển đức dục học sinh.	8
II.3. Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm kết nối trong quá trình học tập của học sinh.	9
III. Thực trạng của vấn đề	9
III.1. Thực trạng học tập môn hóa học của học sinh.	9
III.2. Thực trạng tổ chức các hoạt động trải nghiệm kết nối ở trường THPT.	11
IV. Nguyên nhân của thực trạng	13
IV.1. Nguyên nhân chủ quan	13
IV.2. Nguyên nhân khách quan.	13
V. Nội dung	14
V.1. Nội dung và giải pháp.	14
V.1.1. Mục tiêu, phương thức tổ chức hoạt động TNKN	14
V.1.2. Các bước tiến hành hoạt động trải nghiệm kết nối cho từng bài học.	15
V.2. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng	16

V.3. Thiết kế bài dạy	16
V.3.1. Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm kết nối, dạy học dự án cho các bài học.	16
V.3.2. Thiết kế kế hoạch dạy học minh họa.	25
VI. Thực nghiệm sư phạm	35
VI.1. Đối tượng dạy học	35
VI.2. Một số hình ảnh trong giờ học.	35
VI.3. Kết quả khảo sát thăm dò ý kiến	43
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	46
1. Kết luận	46
2. Khuyến nghị	46
PHỤ LỤC	49

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

HS: Học sinh

GV: Giáo viên

THPT: Trung học phổ thông

TNST: Trải nghiệm sáng tạo.

HĐTN: Hoạt động trải nghiệm.

NL: Năng lực.

DH: Dạy học

KTĐG: Kiểm tra đánh giá.

PPDH: Phương pháp dạy học.

CNTT: Công nghệ thông tin.

HĐDH: Hoạt động dạy học.

CSVN: Cơ sở vật chất.

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong chương trình trung học phổ thông (THPT), Hóa học là bộ môn khoa học tự nhiên có vai trò hết sức quan trọng. Môn Hóa học cung cấp cho học sinh một hệ thống kiến thức, kỹ năng phổ thông, cơ bản, hiện đại thiết thực đầu tiên về hóa học, gắn với đời sống, rèn cho học sinh óc tư duy sáng tạo và khả năng trực quan nhanh nhạy. Góp phần giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện nhằm tạo nhân lực và phát triển nhân tài cho đất nước. Góp phần cung cấp cho học sinh những tri thức về thế giới tự nhiên, hình thành những năng lực nhận thức và năng lực hành động, có kỹ năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Mục tiêu môn hóa học được thiết kế cụ thể cho từng lớp học theo các vấn đề cơ bản là kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực. Các mục tiêu này là cơ sở để thiết kế nội dung, xác định phương pháp dạy, phương pháp học, nội dung và hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh. Vì vậy giáo viên bộ môn Hóa học cần hình thành ở các em kỹ năng cơ bản, thói quen học tập và làm việc khoa học làm nền tảng để các em phát triển khả năng nhận thức và năng lực hành động. Hình thành cho các em những phẩm chất cần thiết như cẩn thận, kiên trì, trung thực, tỉ mỉ, chính xác, yêu thích khoa học.

Nhằm đạt được mục tiêu đào tạo ra thế hệ những người lao động đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngành giáo dục phải tiến hành đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Nghị quyết hội nghị Trung ương 8 khóa XI nêu rõ : “ *Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều , ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học...*”

Như vậy, khác với dạy học định hướng nội dung, sử dụng các phương pháp truyền thống trước đây thì theo định hướng đổi mới toàn diện, trong quá trình dạy học, học sinh là chủ thể nhận thức, giáo viên có vai trò tổ chức, kiểm tra, hỗ trợ học tập của học sinh một cách hợp lý sao cho học sinh tự chủ chiếm lĩnh, xây dựng tri thức.

Bên cạnh những kết quả bước đầu đã đạt được, việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá ở trường trung học phổ thông nói chung, trường chúng tôi nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục. Cụ thể là :

- Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học phổ thông chưa mang lại hiệu quả cao. Truyền thụ tri thức một chiều vẫn là phương pháp dạy học chủ đạo của nhiều giáo viên. Số giáo viên thường xuyên chủ động, sáng tạo trong việc phối hợp các phương pháp dạy học cũng như sử dụng các phương pháp dạy

học phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh còn chưa nhiều. Dạy học vẫn nặng về truyền thụ kiến thức lí thuyết. Việc rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết các tình huống thực tiễn cho học sinh thông qua khả năng vận dụng tri thức tổng hợp chưa thực sự được quan tâm. Việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, sử dụng các phương tiện dạy học chưa được thực hiện rộng rãi và hiệu quả trong các trường trung học phổ thông.

- Hoạt động kiểm tra đánh giá chưa bảo đảm yêu cầu khách quan, chính xác, công bằng; việc kiểm tra chủ yếu chú ý đến yêu cầu tái hiện kiến thức và đánh giá qua điểm số đã dẫn đến tình trạng giáo viên và học sinh duy trì dạy học theo lối "đọc-chép" thuần túy, học sinh học tập thiên về ghi nhớ, ít quan tâm vận dụng kiến thức. Nhiều giáo viên chưa vận dụng đúng quy trình biên soạn đề kiểm tra nên các bài kiểm tra còn nặng tính chủ quan của người dạy. Hoạt động kiểm tra đánh giá ngay trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học trên lớp chưa được quan tâm thực hiện một cách khoa học và hiệu quả. Các hoạt động đánh giá định kỳ, đánh giá diện rộng quốc gia, đánh giá quốc tế được tổ chức chưa thật sự đồng bộ hiệu quả.

Thực trạng trên đây dẫn đến hệ quả là không rèn luyện được tính trung thực trong thi, kiểm tra, nhiều học sinh phổ thông còn thụ động trong việc học tập, khả năng sáng tạo và năng lực vận dụng tri thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn cuộc sống còn hạn chế.

Để khắc phục những hạn chế trên, nâng cao chất lượng dạy học thì tiến trình tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần được thiết kế thành các hoạt động học theo các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học giải quyết vấn đề, dạy học tìm tòi nghiên cứu, dạy học dự án, phương pháp “Bàn tay nặn bột”, dạy học theo trạm, dạy học tích hợp... Tuy có điểm khác nhau nhưng các phương pháp dạy học tích cực trên đều tuân theo con đường nhận thức chung là được thiết kế theo 5 hoạt động:

- Hoạt động trải nghiệm kết nối (TNKN).
- Hình thành kiến thức.
- Luyện tập.
- Vận dụng.
- Tìm tòi mở rộng.

Trong các hoạt động thì hoạt động trải nghiệm kết nối hay gọi là tình huống xuất phát tạo tâm thế học tập học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú bài học mới. Là một hoạt động rất cần thiết, đặc biệt là bộ môn hoá học, góp phần lớn vào sự thành công của tiết học. Nhưng thực tế lâu nay các trường trung học trong cả nước nói chung, ở trường chúng tôi nói riêng vẫn thường tổ chức các hoạt động trải nghiệm chủ yếu là hoạt động ngoài giờ lên lớp nhưng hình thức chưa đa dạng; nội dung các hoạt động trải nghiệm gắn với các môn học

rất ít và chưa có hiệu quả. Có thể nói việc gắn các hoạt động trải nghiệm kết nối vào các tiết học còn đang rất khiêm tốn so với yêu cầu bức thiết hiện nay.

Xuất phát từ những vấn đề trên, với tính cấp thiết của đề tài đã nêu, trước thực trạng của học sinh khi thăm dò ý kiến chúng tôi xin được chia sẻ đề tài: ***“Kích thích hứng thú học tập, phát huy tính sáng tạo của học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm kết nối khi dạy học Hóa hữu cơ lớp 12”***

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI.

1. Mục tiêu

- Nghiên cứu về đặc điểm, tính chất, ứng dụng của một số loại hợp chất hữu cơ quen thuộc, gần gũi với con người. Bằng những kiến thức hóa học, hiểu được vai trò, tầm quan trọng của chúng đối với đời sống của chúng ta.

- Nghiên cứu về tình hình, khả năng vận dụng, khai thác các tính chất, ứng dụng của một số hợp chất hữu cơ vào đời sống sinh hoạt của con người.

2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu các nội dung cơ sở lí luận, cơ sở pháp lí và cơ sở thực tiễn liên quan đến đề tài.

- Tìm hiểu thực trạng về tính chủ động, tích cực trong việc lĩnh hội kiến thức môn hóa học cũng như khả năng tư duy sáng tạo, vận dụng kiến thức đã học được vào thực tiễn đời sống của học sinh.

- Sử dụng việc dạy học kết nối với hoạt động thực tiễn, dạy học dự án vào bài dạy và các phương pháp dạy học tích cực như: tích hợp liên môn, hợp tác nhóm nhỏ...vào các bài dạy hoá học hữu cơ 12 nhằm tạo sự hứng thú, sinh động trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh. Và quan trọng hơn nữa là qua đó giúp cho học sinh phát huy được tính sáng tạo, rèn luyện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua môn hóa học; năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống.

- Thực nghiệm sư phạm để nghiên cứu hiệu quả của giáo án đã xây dựng và khả năng áp dụng vào quá trình dạy học, rút ra kết luận, giúp học sinh THPT phát triển năng lực sáng tạo và hình thành thái độ, hành vi đúng đắn trong hoạt động nhận thức cũng như trong đời sống xã hội.

III. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.

1. Thời gian: Đề tài được thực hiện nghiên cứu và áp dụng trên đối tượng học sinh lớp 12.

2. Đối tượng nghiên cứu: Ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống, tính sáng tạo của học sinh lớp 12 sau khi học hoá học hữu cơ lớp 12.

3. Phạm vi nghiên cứu:

- Dạy học dự án, kết hợp với hoạt động trải nghiệm kết nối trong dạy học hoá hữu cơ – Hóa học 12.

- Tích hợp các môn học: vật lí, sinh học...

- Tính sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống .

IV. ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI.

- Về mặt lí luận: Góp phần làm sáng tỏ tác dụng của việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và tích hợp liên môn vào bài dạy trong việc phát triển khả năng sáng tạo và hứng thú học tập cho học sinh.

- Về mặt thực tiễn: Thiết kế giáo án các bài dạy cụ thể với việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: trải nghiệm kết nối, dạy học dự án, phương pháp đóng vai, hợp tác nhóm nhỏ, ..., kết hợp với tích hợp liên môn và hệ thống câu hỏi bài tập có nội dung liên quan đến các hợp chất hữu cơ, hiểu biết về các hợp chất hữu cơ trong chương trình hoá hữu cơ lớp 12. Từ đó thúc đẩy học sinh có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn . Đồng thời kích thích hứng thú, phát huy được tính tích cực sáng tạo của học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm kết nối thực tiễn.

PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU.

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN .

+ Trong xu thế toàn cầu hóa, đồng thời với sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ và sự bùng nổ thông tin, quá trình dạy học trong các nhà trường trung học đang tồn tại mâu thuẫn giữa một bên là khối lượng tri thức ngày càng tăng lên, phức tạp hơn với thời lượng học tập có hạn, việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh để từ đó bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học, hình thành khả năng học tập suốt đời là một nhu cầu tất yếu trong các nhà trường.

Giáo dục phổ thông nước ta đang thực hiện bước chuyển từ giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học, nghĩa là từ chỗ quan tâm đến việc học sinh học được cái gì đến chỗ quan tâm học sinh làm được cái gì qua việc học. Để đảm bảo được điều đó, phải đổi mới cách tiếp cận các thành tố của quá trình dạy học:

- Mục tiêu dạy học: Chuyển từ chủ yếu trang bị kiến thức sang hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực người học.

- Chương trình dạy học: Chuyển từ tập trung, bao cấp sang phân cấp: Chương trình khung của Bộ GD, chương trình địa phương, chương trình nhà trường.

- Nội dung dạy học : Chuyển từ nội dung kiến thức hàn lâm sang tinh giản, chọn lọc, tích hợp, đáp ứng yêu cầu ứng dụng vào thực tiễn và hội nhập quốc tế.

- Phương pháp dạy học: Chuyển từ chủ yếu truyền thụ một chiều, học sinh tiếp thu thụ động (hoạt động dạy của giáo viên là trung tâm) sang tổ chức hoạt động học cho học sinh, học sinh tự lực, chủ động trong học tập (hoạt động học của học sinh là trung tâm, giáo viên là người hỗ trợ, hướng dẫn).

- Hình thức dạy học: Các giờ học chuyển từ chủ yếu diễn ra trên lớp học truyền thống sang việc đa dạng hóa các hình thức dạy học, kết hợp cả trong và ngoài lớp học, ngoài nhà trường, dạy học tại di sản, dạy học gắn với sản xuất kinh doanh, tăng cường các hoạt động xã hội, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học, hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Từ chủ yếu dạy học toàn lớp sang kết hợp giữa dạy học nhóm nhỏ, cá nhân với toàn lớp học.

- Kiểm tra đánh giá: Từ chủ yếu kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức sang đánh giá năng lực; từ chủ yếu đánh giá kết quả học tập sang kết hợp đánh giá kết quả học tập với đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

- Các điều kiện dạy học: Chuyển từ việc chủ yếu khai thác các điều kiện giáo dục trong phạm vi nhà trường sang việc tạo điều kiện cho học sinh được học tập qua các nguồn học liệu đa dạng, phong phú trong xã hội, nhất là qua Internet; ... phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và chuẩn bị tâm thế cho học tập suốt đời.

+ Về phương pháp dạy học tích cực (PPDH tích cực) hiện nay tại các trường THPT, vai trò của PPDH tích cực trong dạy học.

Phương pháp dạy học tích cực (PPDH tích cực) là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy.

+ Một số vấn đề chung về tổ chức hoạt động học của học sinh

Dạy học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập từ đó học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không thụ động tiếp thu tri thức có sẵn. Giáo viên là người tổ chức và chỉ đạo học sinh tiến hành các hoạt động học tập như nhớ lại kiến thức cũ, phát hiện kiến thức mới, vận dụng các kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc liên hệ thực tiễn. Chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới,...

Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác theo phương châm tạo điều kiện cho học sinh nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn''. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy - trò và trò - trò nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

Chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học, chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh với nhiều hình thức như lời giải/ đáp án mẫu, theo hướng dẫn, hoặc tự xác định tiêu chí để có thể tìm được nguyên nhân và nêu cách sửa chữa sai sót. Tiến trình dạy học phải thể hiện chuỗi hoạt động học của học sinh phù hợp với phương pháp dạy học tích cực được vận dụng. Tùy theo từng nội dung giáo viên có thể lựa chọn các phương pháp dạy khác nhau. Tuy nhiên, các phương pháp dạy học tích cực đều dựa trên quan điểm dạy học giải quyết vấn đề: Xuất phát từ một sự kiện/hiện tượng/tình huống/nhiệm vụ làm xuất hiện vấn đề cần giải quyết - lựa chọn giải pháp/xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề - thực hiện giải pháp/kế hoạch để giải quyết vấn đề - đánh giá kết quả giải quyết vấn đề.

+ Kỹ thuật tổ chức hoạt động học của học sinh :

Mỗi hoạt động học có thể sử dụng một kỹ thuật dạy học tích cực nào đó để tổ chức nhưng đều được thực hiện các bước như sau:

(1) *Chuyển giao nhiệm vụ học tập* .

Nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của học sinh, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của học sinh; đảm bảo cho tất cả học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

(2) *Thực hiện nhiệm vụ học tập*.

Khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập ; phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả ; không có học sinh bị “bỏ quên”.

(3) Báo cáo kết quả và thảo luận .

Hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho học sinh trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

(4) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của học sinh; chính xác hóa các kiến thức mà học sinh đã học được thông qua hoạt động.

+ Các bước xây dựng một bài học theo định hướng phát triển năng lực học sinh

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết trong bài học.

Bước 2: Xây dựng nội dung chủ đề bài học.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

Bước 4: Xác định và mô tả mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học.

Bước 5: Biên soạn các câu hỏi/bài tập cụ thể theo các mức độ yêu cầu đã mô tả để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá, luyện tập theo chủ đề đã xây dựng.

Bước 6: Thiết kế tiến trình dạy học.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN.

1. Vai trò của bộ môn hóa học trong việc hình thành và phát triển trí dục học sinh.

+ Mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.

- Môn hóa học cung cấp cho học sinh những cơ sở khoa học của hóa học: đó là những khái niệm, định luật, lý thuyết hóa học và những sự kiện hóa học vô cơ và hữu cơ cần thiết để nhận thức thế giới vật chất và đáp ứng những đòi hỏi của xã hội.

- Môn hóa học cùng với các môn khoa học khác góp phần hình thành thế giới quan, nhân cách toàn diện cho học sinh.

- Môn hóa học giúp học sinh học tốt các môn khác: sinh học, địa lí, kĩ thuật,...

+ Những kiến thức về hóa học rất cần cho cuộc sống hàng ngày.

- Giúp học sinh sử dụng có hiệu quả các vật dụng hàng ngày.

- Giúp học sinh biết ăn uống vệ sinh, giữ gìn sức khỏe.

- Giúp học sinh giải thích nhiều hiện tượng trong tự nhiên và cuộc sống.
- + Những kiến thức về hóa học là cơ sở vững chắc cho việc đào tạo nghề nghiệp cho học sinh.
- Trang bị cho học sinh những kiến thức kỹ thuật tổng hợp (những ứng dụng của hóa học vào công nghệ sản xuất)
- Những kiến thức về hóa học là nền tảng của các nghề: y, dược, địa chất, công nghệ thực phẩm, hóa chất, luyện kim...
- Những kiến thức về hóa học giúp học sinh hiểu được cơ sở khoa học của nhiều ngành sản xuất cụ thể: chế tạo máy, năng lượng, xây dựng, giao thông vận tải, nông lâm nghiệp...
- + Quá trình học tập bộ môn hóa học giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực nhận thức.
- + Những kiến thức về hóa học góp phần giáo dục đạo đức, hình thành thế giới quan cho học sinh.

Nhiệm vụ trí dục của môn hóa học là cung cấp cho học sinh hệ thống các kiến thức, kỹ năng hóa học phổ thông cơ bản và hình thành cho các em phương pháp nghiên cứu khoa học.

2. Vai trò của bộ môn hóa học trong việc hình thành và phát triển đức dục học sinh.

- + Giúp học sinh hình thành thế giới quan.
- Hình thành thế giới quan duy vật biện chứng, quan điểm khoa học vô thần.
- Giúp học sinh thêm tự tin vào bản thân, tin tưởng và say mê với khoa học.
- Giúp học sinh tăng cường khả năng độc lập, tự chủ, sáng tạo.
- + Nâng cao nhận thức của học sinh về vai trò, nhiệm vụ của hóa học đối với đời sống, xã hội, kinh tế và môi trường.
- + Góp phần giáo dục tư tưởng đạo đức, lao động và thẩm mỹ... giáo dục lòng yêu nước và ý thức cộng đồng.

Tóm lại, việc dạy học hóa học ở trường phổ thông có nhiệm vụ cung cấp hệ thống các kiến thức, kỹ năng hóa học cơ bản; phát triển năng lực nhận thức, hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học, góp phần giáo dục tư tưởng, đạo đức, thế giới quan cho học sinh.

3. Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm kết nối trong quá trình học tập của học sinh.

HĐTN giúp HS hình thành và phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp thông qua các chủ đề hoạt động gắn với những nội dung cụ thể về bản thân, quê hương, đất nước, con người. HĐTN giúp HS có cơ hội khám phá bản thân và thế giới xung

quanh, phát triển đời sống tâm hồn phong phú, biết rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên và tình người, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn, bồi dưỡng cho HS tình yêu đối với quê hương, đất nước, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc để góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam.

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giữ vai trò rất quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Song song với việc nâng cao chất lượng dạy và học, trường chúng tôi luôn chú trọng hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, giúp các em rèn luyện kỹ năng sống, tính sáng tạo trong học tập và sinh hoạt hàng ngày. HĐTN còn có vai trò quan trọng là cầu nối nhà trường, kiến thức các môn học với thực tiễn cuộc sống một cách có tổ chức, có định hướng, góp phần tích cực vào hình thành và củng cố năng lực và phẩm chất nhân cách. Giúp giáo dục thực hiện được mục đích tích hợp và phân hóa của mình nhằm phát triển năng lực thực tiễn và cá nhân hóa, đa dạng hóa tiềm năng sáng tạo. Nuôi dưỡng và phát triển đời sống tình cảm, ý chí tạo động lực hoạt động, tích cực hóa bản thân.

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một trong những hoạt động có ý nghĩa, và là sân chơi bổ ích cho các em. Qua đây nhằm giúp các em học sinh hình thành và phát triển phẩm chất, nhân cách, các năng lực, tâm lý xã hội, giúp các em tích lũy kinh nghiệm và phát huy sáng tạo để áp dụng vào thực tế cuộc sống hàng ngày.

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như :

- Hoạt động câu lạc bộ
- Tổ chức trò chơi
- Diễn đàn
- Sân khấu tương tác
- Tham quan dã ngoại

III. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ

1. Thực trạng học tập môn hóa học của học sinh.

- Về thực trạng học tập bộ môn Hoá học của học sinh ở các trường THPT: đa số HS đang học tập mang tính đối phó, chưa thực sự hứng thú với môn học, phần lớn học sinh chưa có khả năng tự học, mang tính chất học vẹt, học thuộc lòng nhưng hiểu không sâu. Một số học sinh lớp 12 có biểu hiện chán học, không hứng thú khi học Hóa học vì kiến thức lớp 10 và 11 không nắm vững.

Chúng tôi đã khảo sát thực trạng học tập môn hoá học của học sinh khối 12 bằng cách phát phiếu thăm dò ý kiến, cho các em trả lời thu lại liền hoặc mang về nhà đánh dấu sau đó nộp lại. Yêu cầu các em trả lời đúng với suy nghĩ của mình. Sau đây là số liệu điều tra đầu năm học 2021-2022 tại lớp 12B (lớp tự chọn ban KHTN) và lớp 12C(lớp tự chọn ban KHXH) tại trường chúng tôi khi chưa áp dụng đề tài này vào giảng dạy.

Phiếu khảo sát trước khi tiến hành thực nghiệm đối với HS các lớp:

Câu hỏi	Có	Ít	Rất ít	Hầu như không
Những giờ học lí thuyết môn hóa có gây hứng thú cho em không?	7,5%	20,3%	56,4%	15,8%
Em có yêu thích bộ môn hóa học không?	Rất thích	Thích	Không thích	
	11%	14%	75%	
Lý do em yêu thích bộ môn hóa học là gì?	Vì hoá học có nhiều ứng dụng trong thực tế	Vì hoá học có nhiều thí nghiệm vui, hấp dẫn.	Vì hoá học là một môn học trong số những môn thi đại học.	Lý do khác
	59%	20%	18%	3%

Từ kết quả khảo sát cho thấy, số HS thật sự hứng thú với giờ học hoá là rất thấp. Điều này chứng tỏ vai trò của thầy giáo trong dạy học hóa học chưa kích thích hứng thú hứng thú học hoá cho các em.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng : Có một số các em thích học môn hoá mặc dù trong trường phổ thông còn nhiều môn học khác nữa. Các em thích học môn hoá vì nhiều lí do khác nhau. Nhưng có lẽ lí do được các em chọn nhiều nhất là do môn hoá có nhiều ứng dụng trong thực tế, kể đến là môn hoá có nhiều thí nghiệm vui hấp dẫn. Và một số em thích học môn hoá vì nó là một môn học trong số những môn mà các em sẽ thi đại học. Các lí do trên hoàn toàn chính đáng và rất hợp lí. So sánh giữa lí do làm cho các em thích học và không thích học môn hoá thì thấy vai trò của người giáo viên rất quan trọng, các em yêu thích môn học do những nét đặc trưng rất riêng của môn hoá: có nhiều ứng dụng và nhiều thí nghiệm vui hấp dẫn. Các em không thích học môn hoá cho rằng môn hoá khó hiểu rắc rối nhàm chán và các em không có hứng thú học môn hoá. Như chúng ta biết nhờ tài năng của người giáo viên, những nét đặc trưng riêng của môn hoá so với môn khác, yếu tố quan trọng để các em học sinh yêu thích môn hóa sẽ được làm rõ, phát huy. Nhưng tài năng đó có được phát huy hay không còn phụ thuộc vào thái độ học

tập của các em học sinh nữa. Phần lớn học sinh cho rằng môn hoá hơi khó. Các em thấy khó phần lớn là không hiểu bài, không học bài và không biết làm bài tập. Vậy sự yêu thích, cảm nhận về môn hoá học khó hay dễ phụ thuộc cả hai phía từ người giáo viên và cả từ phía học sinh. Bởi vậy, người giáo viên cần phải cố gắng phát huy những nét đặc trưng của môn hoá học đồng thời khơi dậy ở các em lòng say mê học hỏi, nghiên cứu khoa học.

Những hoạt động học tập tác động đến hứng thú của HS : Kết quả điều tra về sở thích, hứng thú của HS trong giờ hóa học cho thấy các hoạt động đem lại hứng thú nhất cho người học là những hoạt động trong đó người học phát huy tính tự lực như: tự làm thí nghiệm, làm bài tập, hoạt động trải nghiệm kết nối... Đặc biệt đáng mừng là người học trong giờ hóa học rất thích được tự mình khám phá, sử dụng kiến thức đã học được để giải thích và vận dụng vào thực tế.

2. Thực trạng tổ chức các hoạt động trải nghiệm kết nối ở trường THPT.

Sự trải nghiệm được hiểu là kết quả của sự tương tác giữa con người với thế giới khách quan. Sự tương tác này bao gồm cả hình thức và kết quả các hoạt động thực tiễn trong xã hội, bao gồm cả kỹ thuật và kỹ năng, cả những nguyên tắc hoạt động và phát triển thế giới khách quan. Trải nghiệm là kiến thức kinh nghiệm thực tế; là thể thống nhất bao gồm kiến thức và kỹ năng. Trải nghiệm là kết quả của sự tương tác giữa con người và thế giới, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Hoạt động TNST là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong nhà trường hoặc trong xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực và tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân.

Hoạt động TNST trong từng môn học được hiểu là sự vận dụng kiến thức đã học và áp dụng trong thực tế đời sống đối với một đơn vị (một phần kiến thức) nào đó, giúp học sinh phát hiện, hình thành, củng cố kiến thức một cách sáng tạo và hiệu quả. Các hoạt động này được thực hiện trong lớp học, ở trường, ở nhà hay tại bất kỳ địa điểm nào phù hợp.

HĐTN hiện nay trong hệ thống các trường phổ thông còn khá mờ nhạt, phần lớn chỉ dừng lại ở mức độ thực hành, quan sát, thỉnh thoảng có tổ chức tham quan, dã ngoại, chưa thực sự là một nội dung gắn bó chặt chẽ với quá trình DH. Do đó, quá trình học tập vẫn chủ yếu là nhồi nhét kiến thức, ôn luyện và tổ chức thi cử. Hệ quả là, HS phổ thông sau khi ra trường, NL thực hành và các NL hoạt động khác rất hạn chế. Qua theo dõi quá trình hoạt động của nhà trường cùng với việc dự giờ thăm lớp và trao đổi phỏng vấn một số GV, chúng tôi nhận thấy, sự nhận thức chưa đầy đủ của đội ngũ cán bộ GV, sự thiếu thốn về trang thiết bị DH và những bất cập trong công tác quản lý là nguyên nhân dẫn đến tình trạng này.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát về tình hình tổ chức các hoạt động trải nghiệm kết nối vào các tiết học trên lớp của học sinh khối 12. Kết quả thu được như sau:

Câu hỏi	Có	Ít	Rất ít	Hầu như không
Em có hay được tham gia các hoạt động TNKN trong các giờ học trên lớp không?	7,5%	21,3%	31%	40,2%
Có nhiều tiết học em được làm dự án để chủ động chiếm lĩnh kiến thức không?	8%	9,6%	20,8%	61,6%
Có nhiều giờ hóa học giúp em phát huy được tính sáng tạo không?	8,3%	22,3%	29,8%	39,6%

Thực tế lâu nay các trường trung học trong cả nước nói chung, ở tỉnh Nghệ An nói riêng vẫn thường tổ chức các hoạt động trải nghiệm chủ yếu là hoạt động ngoài giờ lên lớp nhưng hình thức chưa đa dạng; nội dung các hoạt động trải nghiệm gắn với các môn học rất ít và chưa có hiệu quả; thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục nếu có thường vào các dịp lễ, tết... và cách thức tổ chức chủ yếu theo kinh nghiệm, chưa có những cơ sở lý thuyết, mô hình thực tiễn nào chỉ dẫn cụ thể những cách làm hiệu quả. Do vậy, hoạt động trải nghiệm của các trường trung học thường không đa dạng, chưa hoặc ít hiệu quả, không bền vững. Vậy làm thế nào để các trường trung học trong tỉnh tổ chức đa dạng các hình thức hoạt động trải nghiệm thực sự đáp ứng nhu cầu, hứng thú, đặc điểm tâm lý của học sinh để cuốn hút các em tích cực tham gia? Làm thế nào để các trường duy trì được các loại hình hoạt động trải nghiệm trong suốt năm học? Có những cơ sở lý thuyết, mô hình thực tiễn nào có thể khái quát, học tập chỉ dẫn, nhân rộng giúp các trường nâng cao chất lượng các hoạt động trải nghiệm nhằm rèn kỹ năng cho học sinh thông qua chính các giờ học trên lớp. Và cuối cùng là làm thế nào để mỗi giờ học trên lớp không còn trở nên quá nặng nề, áp lực đối với các em HS, thay vào đó, sẽ là môi trường, là cơ hội để các em được khám phá thế giới xung quanh, phát huy khả năng sáng tạo và thể hiện mình, để các em thật sự thấy hứng thú hơn trong mỗi giờ học. Đó là lý do cấp thiết khiến chúng tôi chọn đề tài: ***“Kích thích hứng thú học tập, phát huy tính sáng tạo của học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm kết nối khi dạy học Hóa hữu cơ lớp 12”*** làm đề tài nghiên cứu khoa học.

IV. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG

1. Nguyên nhân chủ quan

Hoạt động giảng dạy vẫn còn dựa vào kinh nghiệm truyền thống, bỏ qua xây dựng kế hoạch. Vì thế, GV đã phải vướng mắc không ít những khó khăn trong điều kiện các hoạt động dạy và học đang được đổi mới mạnh mẽ. Đổi mới chương trình dạy học, đổi mới phương pháp và KTĐG kết quả học tập của HS chưa có sự gắn kết, điều này dẫn đến chất lượng và hiệu quả trong các hoạt động đổi mới dạy học không được như mong muốn.

Một số vấn đề khác diễn ra xung quanh hoạt động giảng dạy của GV như :

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy chưa được thực hiện đồng bộ hoặc chưa đảm bảo tính đột phá theo chương trình đổi mới.
- Chưa đảm bảo đủ chất lượng các khâu theo chu trình lên lớp từ việc thiết kế bài giảng, áp dụng hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật lên lớp, quản lý HS trên lớp cho đến việc KTĐG kết quả học tập của HS.
- Các hoạt động đổi mới PPDH và KTĐG chưa có sự gắn kết; ứng dụng CNTT trong soạn giảng vẫn mang nặng tính biểu diễn hơn là tính hiệu quả.

2. Nguyên nhân khách quan.

Chất lượng giảng dạy ở các trường THPT trong địa bàn huyện chưa đồng đều giữa các trường do cơ chế phân hoá tuyển sinh đầu cấp. Một số GV chưa nhận thức sâu sắc hết tầm quan trọng của giảng dạy- hoạt động chủ đạo trong nhà trường trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay.

Về lương và chế độ chính sách: Các chế độ đối với GV chưa phù hợp, so với yêu cầu nhiệm vụ thì còn nhiều bất hợp lý; nguồn tài chính dành cho HDDH còn thấp.

Về CSVC: Hệ thống các phòng chức năng tại một số trường còn thiếu, hệ thống trang thiết bị và các điều kiện hỗ trợ dạy học tại các trường chưa thật sự đáp ứng được điều kiện dạy học trong giai đoạn đổi mới và phát triển giáo dục.

Tuy mang lại hiệu quả cao nhưng việc tổ chức hoạt động học tập trải nghiệm tại mỗi trường phổ thông lại là công việc không dễ thực hiện. Mặc dù trong kế hoạch giáo dục cả năm học, ở mỗi bộ môn đều xây dựng kế hoạch liên quan đến học tập trải nghiệm thực tế như tham quan di tích lịch sử địa phương, thăm các khu công nghiệp, các địa danh, nhà bảo tàng, các cơ sở sản xuất... nhưng khi bắt tay vào thực hiện thường gặp nhiều khó khăn. Thứ nhất là sự khó khăn về thời gian tổ chức. Việc xây dựng kế hoạch, chương trình dạy học hiện nay thường kín về thời lượng, nếu muốn tổ chức một hoạt động trải nghiệm bổ trợ cho môn học, chương trình học thì rất khó bố trí vào khoảng thời gian giữa các tiết học, buổi học. Không thể tiến hành một hoạt động trải nghiệm trong vòng một tiết học khi phải lấy quỹ

thời gian của tiết học khác. Vì vậy, việc sắp xếp quỹ thời gian hợp lý cho hoạt động trải nghiệm cần được nghiên cứu và phân bố hợp lý.

Một khó khăn nữa là yếu tố không gian, địa lí. Thông thường, các địa điểm như khu di tích, bảo tàng, các địa danh hay các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất, nông trại thường khá xa trường học. Không phải trường học nào cũng có sự thuận lợi về khoảng cách khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm, có nơi cách xa địa điểm trải nghiệm tới hàng trăm cây số. Vì vậy, sẽ rất khó khăn khi tổ chức cho học sinh đến học tập, thực tế khi khoảng cách địa lí không thuận lợi. Một vướng mắc nữa là kinh phí thực hiện. Việc tổ chức học tập trải nghiệm dù ở đâu cũng cần có khoản kinh phí nhất định để phục vụ cho hoạt động như tiền thuê xe đưa đón, nước uống... Tuy nhiên, kinh phí dành cho hoạt động học tập trải nghiệm ở các trường phổ thông hiện nay khá eo hẹp, nhất là các nhà trường ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Khó khăn còn xuất phát từ phía người học. Khái niệm học tập trải nghiệm đối với học sinh ở nhiều địa phương hiện nay khá mới bởi lâu nay chúng ta vẫn chú trọng những tiết học trên lớp, qua kênh sách giáo khoa và kênh hình bằng các phương tiện hỗ trợ. Vì vậy, nếu tổ chức các hoạt động trải nghiệm mà không có sự chuẩn bị về tâm lí và phương pháp, chắc chắn học sinh sẽ bị rơi vào trạng thái thụ động khi tiếp cận đối tượng trải nghiệm hoặc sẽ biến buổi học trải nghiệm thành một chuyến tham quan. Ngoài ra, còn có khó khăn trong việc bảo đảm an toàn trong quá trình tổ chức hoạt động học tập trải nghiệm.

V. NỘI DUNG

1. Nội dung và giải pháp.

1.1. Mục tiêu, phương thức tổ chức hoạt động TNKN

Trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học mỗi chuyên đề theo phương pháp dạy học tích cực, học sinh cần phải đặt vào các tình huống xuất phát gần gũi với đời sống, dễ cảm nhận và các em tham gia giải quyết các tình huống đó. Trong quá trình tìm hiểu, học sinh phải lập luận, bảo vệ ý kiến của mình, đưa ra tập thể thảo luận những ý nghĩ và những kết luận cá nhân, từ đó có những hiểu biết mà nếu chỉ có những hoạt động, thao tác riêng lẻ không đủ tạo nên. Những hoạt động do giáo viên đề xuất cho học sinh được tổ chức theo tiến trình sư phạm nhằm nâng cao dần mức độ học tập. Các hoạt động này làm cho các chương trình học tập được nâng cao lên và dành cho học sinh một phần tự chủ khá lớn. Mục tiêu của quá trình dạy học là giúp học sinh chiếm lĩnh dần dần các khái niệm khoa học và kĩ thuật, học sinh được thực hành, kèm theo là sự củng cố ngôn ngữ viết và nói. Những yêu cầu mang tính nguyên tắc nói trên của phương pháp dạy học tích cực là sự định hướng quan trọng cho việc lựa chọn các chuyên đề dạy học. Như vậy, việc xây dựng các tình huống xuất phát cần phải đảm bảo một số yêu cầu sau đây :

- Tình huống xuất phát phải gần gũi với đời sống mà học sinh dễ cảm nhận và đã có ít nhiều những quan niệm ban đầu về chúng.

- Việc xây dựng tình huống xuất phát cần phải chú ý tạo điều kiện cho học sinh có thể huy động được kiến thức ban đầu để giải quyết, qua đó hình thành mâu thuẫn nhận thức, giúp học sinh phát hiện được vấn đề, đề xuất được các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề.

1.2. Các bước tiến hành hoạt động trải nghiệm kết nối cho từng bài học.

Bước 1: Tìm hiểu học sinh ở từng lớp, tìm hiểu tâm lí, lực học của học sinh để chọn tình huống xuất phát phù hợp để học sinh là chủ thể nhận thức, tích cực, chủ động và sáng tạo, hợp tác hiệu quả với nhau trong hoạt động mở đầu bài học này.

Bước 2: Xác định mục tiêu bài học

Mục tiêu bài học là yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ, năng lực cần đạt được sau bài học. Từ đó xây dựng tình huống xuất phát phù hợp và mở rộng, định hướng nội dung kiến thức trong hoạt động tiếp theo.

Bước 3: Thiết kế hoạt động

- GV chuẩn bị nội dung của hoạt động bằng cách chuẩn bị các phiếu học tập, hệ thống các câu hỏi hoặc ứng dụng CNTT qua các trò chơi ô chữ, đoán hình...cho hoạt động này.

- Đối với một số bài học GV có thể cho câu hỏi trước về nhà để học sinh chuẩn bị.

- Dự đoán những khó khăn, chướng ngại mà học sinh có thể gặp phải khi học bài mới? Những tình huống ban đầu này thuận lợi hay cản trở gì đến việc lĩnh hội kiến thức mới?

- Để dự đoán chính xác thì GV phải dựa vào kinh nghiệm giảng dạy, chú ý đến đặc điểm riêng của từng lớp. Từ đó xây dựng các tình huống khác nhau, hấp dẫn, phù hợp với từng đối tượng học sinh trong lớp

Bước 4: Tổ chức cho học sinh tiếp xúc với tình huống xuất phát

Các tình huống học tập được giáo viên chuẩn bị sẵn, HS tiếp nhận nhiệm vụ và tìm hướng giải quyết vấn đề thông qua hoạt động cá nhân hoặc nhóm. (Học sinh có thể thu thập thông tin ở bài học trước)

Bước 5: Phân tích sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động.

- GV tổ chức và điều tiết cho HS trao đổi, thảo luận theo nhóm

- Hướng dẫn khuyến khích HS trình bày kết quả, đặt vấn đề, ý tưởng

- Thảo luận cả lớp, thống nhất kết quả

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá lẫn nhau về kiến thức, kĩ năng vừa học.

Từ kết quả đạt được GV phải huy động được kiến thức HS đã học được, tạo nhu cầu tiếp tục tìm hiểu kiến thức mới với những mâu thuẫn nhận thức, đồng thời chú trọng việc đưa những tình huống thực tiễn đời sống vào tình huống này. Học

sinh sẽ có một tâm thế sẵn sàng tìm hiểu những kiến thức mới của bài học, hứng thú say mê, thu hút học sinh chú ý vào các hoạt động tiếp theo của bài học.

2. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng

Sách giáo khoa và sách giáo viên Hóa học 12- Nguyễn Xuân Trường (Tổng Chủ biên) và cộng sự. NXB Giáo dục.

- Sách Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Hóa học .
- Máy tính, máy chiếu projector
- Phiếu học tập
- Hình ảnh và tư liệu liên quan đến nội dung bài học của mạng Internet.
- Các ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Sử dụng phần mềm Power point.

3. Thiết kế bài dạy:

3.1. Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm kết nối, dạy học dự án cho các bài học.

Chủ đề 1: ESTE- LIPIT.

Hoạt động trải nghiệm, kết nối.

TIẾT 1: ESTE

a. Mục tiêu hoạt động:

- Huy động các kiến thức đã học của HS và nhu cầu tiếp tục tìm hiểu kiến thức mới của HS.
- Nội dung hoạt động: Tìm hiểu khái niệm, danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học và ứng dụng este.

b. Phương thức tổ chức hoạt động:

**** Hoạt động: Phương pháp dạy học dự án:***

- GV đề xuất các câu hỏi nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài học “Este” và trả lời các câu hỏi đó. Sau đó GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm tìm hiểu của mình trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung, GV kết luận.

- Thời gian thực hiện : 1 tuần trước khi thực hiện bài giảng hoặc sau khi đã nghiên cứu xong bài học.

- Đề xuất các câu hỏi nghiên cứu:

1. Dựa vào tính chất nào của este mà một số este dùng làm chất tạo hương trong công nghiệp thực phẩm, mỹ phẩm ? Lấy dẫn chứng thường gặp trong cuộc sống ?

2. Khi chế biến chè người bán hàng thường nhỏ vài giọt chất phụ gia vào cốc chè ? Chất phụ gia đó là chất nào ? Vai trò của chất đó ?

3. Do đâu mà một số este được dùng làm dung môi tách chiết, pha sơn...?
Cho biết este dùng để pha sơn ? Hãy giải thích tại sao khi phun sơn người ta thường ngửi thấy mùi giống mùi dầu chuối ?

c. Sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động :

- Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung các câu hỏi GV đã đề xuất.
- Đánh giá kết quả hoạt động thông qua quan sát: Trong quá trình HS hoạt động, GV cần quan sát, theo dõi, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc của HS và có giải pháp hỗ trợ hợp lý.

Tiết 2: LIPIT

Hoạt động trải nghiệm, kết nối

a. Mục tiêu hoạt động:

Tìm hiểu khái niệm, tính chất vật lí, tính chất hóa học, ứng dụng của chất béo.

b. Phương thức tổ chức hoạt động:

*** Hoạt động 1: Phương pháp dạy học dự án:**

- GV đề xuất các câu hỏi nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài học “Lipit” và trả lời các câu hỏi đó. Sau đó GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm tìm hiểu của mình trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung, GV kết luận.

- Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi thực hiện bài giảng hoặc sau khi đã nghiên cứu xong bài học.

- Đề xuất các câu hỏi nghiên cứu:

1. Khi bị nhựa dính tay người ta thường dùng dầu ăn để làm sạch nhựa dính ? Hãy giải thích cách làm này ?

2. Cho biết nguyên nhân tại sao những người bị huyết áp cao cần phải hạn chế sử dụng mỡ động vật ?

3. Hãy giải thích do đâu mà dầu mỡ để lâu ngày có mùi khó chịu ? Tại sao không nên tái sử dụng lại dầu mỡ đã qua chiên rán ? Nêu phương pháp tốt nhất để hạn chế sự ôi thiu của dầu mỡ?

4. Cho biết thành phần chính của dầu mỡ bôi trơn máy ? So sánh với thành phần chính của dầu ăn ?

5. Hãy giải thích tại sao về mùa đông khi nhiệt độ xuống thấp có một số hãng dầu ăn bị đông lại thành một lớp màu trắng phía dưới giống như mỡ, còn một số loại khác vẫn không thay đổi trạng thái ?

*** Hoạt động 2: Hoạt động TNKN.**

- Giao nhiệm vụ các nhóm: GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: Yêu cầu các nhóm về nhà thảo luận và hoàn thành bài báo cáo về chủ đề đã

chọn. Các báo cáo có thể được trình bày dưới dạng video, poster hoặc bài trình chiếu powerpoint.

+ **Nhóm 1:** Tham quan một cơ sở ép dầu đậu phộng tại địa phương, viết báo cáo về quy trình sản xuất. Báo cáo kết quả quan sát quy trình chế biến đó trước lớp ?

+ **Nhóm 2:** Chuẩn bị các mẫu vật dầu thực vật, mỡ động vật, nước, dung môi hữu cơ; làm thí nghiệm thử tính tan trong nước và trong dung môi hữu cơ, giải thích hiện tượng quan sát được ?

+ **Nhóm 3:** Nghiên cứu vai trò của chất béo trong đời sống con người? Đề xuất các giải pháp sử dụng chất béo an toàn ?

+ **Nhóm 4:** Quan sát các chỉ số ghi trên lọ dầu đậu nành simply ? Em hãy cho biết ý nghĩa các chỉ số đó ? Nêu các ưu điểm vượt trội của dầu thực vật so với mỡ động vật ? Trong loại dầu này có thành phần chất béo chuyển hoá không? Nếu có thì có tốt không? Chất béo chuyển hoá là gì? Thường có ở đâu ?

- GV chia nhóm thành 4 nhóm, tương ứng 4 tổ HS. Yêu cầu HS trong nhóm bầu ra nhóm trưởng và thư kí tổng hợp ý kiến.

- GV: Hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin trên mạng, nhắc một số lưu ý khi thiết kế powerpoint, cách làm đoạn video, cách cho điểm để HS có thể tự đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm và bài của nhóm khác.

-HS: chủ động phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

- Lưu ý HS: Thời gian, năng lực HS phù hợp.

- GV: gợi ý bảng phân công nhiệm vụ

Tên thành viên của nhóm	Nhiệm vụ	Phương tiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
		Sách,báo, internet,...	01 tuần	Poster hoặc bài powerpoint, đoạn video...

– GV đưa ra một số yêu cầu của bài báo cáo:

+ Sản phẩm báo cáo: Các sản phẩm có thể được trình bày dưới dạng video, poster hoặc bài trình chiếu powerpoint.

+ Hình thức trình bày sản phẩm: thuyết trình.

+ Người trình bày: Mỗi nhóm cử một thành viên nào trong nhóm báo cáo, các thành viên khác của nhóm có thể bổ sung.

+ Các nhóm khác theo dõi và đặt câu hỏi thảo luận để làm rõ hơn vấn đề cần tìm hiểu.

c. Sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động:

- Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung chuẩn bị ở nhà
- Sau khi các nhóm báo cáo, GV yêu cầu học sinh nêu: khái niệm lipit, phân loại lipit, trạng thái tự nhiên của lipit, ứng dụng của lipit, tính chất vật lí của lipit.

CHỦ ĐỀ 2: CACBOHIDRAT

Hoạt động trải nghiệm kết nối .

a. Mục tiêu hoạt động:

Tìm hiểu khái niệm ,phân loại cacbohidrat,trạng thái tự nhiên,tính chất vật lí,cấu tạo và tính chất hóa học của glucozơ, fructozơ, saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ.

b. Phương thức tổ chức hoạt động:

- GV đề xuất các câu hỏi nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài học và trả lời các câu hỏi đó. Sau đó GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm tìm hiểu của mình trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung, GV kết luận.
- Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi thực hiện bài giảng hoặc sau khi đã nghiên cứu xong bài học.

*** Hoạt động 1: Phương pháp dạy học dự án:**

- Đề xuất các câu hỏi nghiên cứu:

1. Dựa vào tính chất của glucozơ hãy cho biết : Tại sao ăn đường glucozơ lại cảm thấy lưỡi mát lạnh ?
2. Thế nào huyết thanh ngọt ? Vai trò của huyết thanh ngọt ?
3. Hiểu biết của em về glucozơ và bệnh đái tháo đường?
4. Hãy giải thích tại sao mật ong có độ ngọt sắc ?
5. Mật ong để lâu bị đóng đường dưới đáy chai, lớp đường đó là gì?
6. Một số loại xoài, dứa khi chín có độ ngọt sắc ? Chất gây ra độ ngọt sắc đó là chất nào ?
7. Nếu để cây mía lâu ngày trong không khí ở đầu đoạn mía có mùi rượu ? ăn có vị chua ? Giải thích hiện tượng này ?
8. Các con số 12^0 , 14^0 trên chai bia có ý nghĩa như thế nào ? Độ bia có giống với độ rượu không ?
9. Nguyên nhân nào gạo nếp lại dẻo hơn gạo tẻ ?
10. Tại sao khi ăn cơm nhai kĩ cảm giác có vị ngọt và no lâu ?
11. Những bệnh nhân bị tiểu đường ,bác sĩ khuyến cáo hạn chế ăn cơm, nên ăn các loại đậu ? Bằng hiểu biết của em hãy giải thích khuyến cáo này ?

*** Hoạt động 2: Hoạt động TNKN.**

- *Giao nhiệm vụ các nhóm*: GV chia lớp thành 2 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: Yêu cầu các nhóm về nhà thảo luận và hoàn thành bài báo cáo về chủ đề đã chọn. Các báo cáo có thể được trình bày dưới dạng video, poster hoặc bài trình chiếu powerpoint.

+ **Nhóm 1**: Báo cáo bài thuyết trình về vai trò của glucozo ?

+ **Nhóm 2**: - Làm thí nghiệm cho vài giọt dung dịch iot vào nước cơm đang nóng, rồi để nguội quan sát hiện tượng ? Giải thích ?

- Làm thí nghiệm cho vài giọt dung dịch iot lên phần vừa mới cắt ra từ quả chuối sống (chuối xanh) và lên phần vừa mới cắt ra từ quả chuối chín. Quan sát hiện tượng và giải thích?

c. Sản phẩm đánh giá kết quả hoạt động:

- Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung đã được phân công.

- Đánh giá kết quả hoạt động.

CHỦ ĐỀ 3: AMIN, AMINO AXIT VÀ PROTEIN.

Tiết 1: AMIN

Hoạt động trải nghiệm, kết nối

a. Mục tiêu hoạt động

- Huy động kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn đã có của HS.
- Nội dung hoạt động: Tìm hiểu amin trong thực tiễn.
 - Rèn luyện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua môn hóa học; năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống.
- Kỹ thuật dạy học: kỹ thuật công não.

b. Phương thức tổ chức hoạt động .

*** Hoạt động: Phương pháp dạy học dự án:**

- Hoạt động cá nhân.
- GV đề xuất các câu hỏi nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài học và trả lời các câu hỏi đó. Sau đó GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm tìm hiểu của mình trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung, GV kết luận.

- Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi thực hiện bài giảng hoặc sau khi đã nghiên cứu xong bài học.

- Đề xuất các câu hỏi nghiên cứu:

1. Cho biết chất gây ra mùi tanh của cá ? Cách làm mất mùi tanh cá khi dính vào tay ?

2. Tại sao trước lúc chiên cá, nướng cá người ta thường ướp vào cá một ít rượu hoặc giấm?

3. Khi nấu canh cá người ta thường cho mẻ hoặc một ít lá chua vào. Em hãy giải thích việc làm này ?

4. Khi làm cá, tay có mùi tanh nếu dùng xà phòng rửa tay thì thấy mùi tanh tăng lên còn nếu dùng giấm hoặc quả chua như chanh hoặc khế rửa tay thì một lúc sẽ hết mùi tanh? Hãy giải thích hiện tượng trên?

5. Đề xuất một số cách dùng để khử mùi tanh của cá trong quá trình chế biến thức ăn?

c. Sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động:

Sản phẩm: HS biết được amin có nhiều trong cá đặc biệt là cá mè và amin có tính bazơ.

Đánh giá kết quả hoạt động: Thông qua câu trả lời của cá nhân HS và ý kiến của các HS khác GV biết được HS đã có những kiến thức nào về amin trong thực tiễn, những kiến thức nào cần điều chỉnh bổ sung các hoạt động tiếp theo.

Tiết 2: AMINOAXIT

Hoạt động trải nghiệm, kết nối

a. Mục tiêu hoạt động:

- Huy động các kiến thức đã được học của HS và tạo nhu cầu tiếp tục tìm hiểu kiến thức mới của HS.

- Nội dung hoạt động: +Tìm hiểu khái niệm, công thức chung và đồng phân của amino axit (no, mạch hở có 1 nhóm amino và 1 nhóm cacboxyl), danh pháp (tên thay thế, tên bán hệ thống, tên thường, kí hiệu).

+Tìm hiểu khái niệm, tính chất vật lí, tính chất hóa học, ứng dụng của amino axit.

b. Phương thức tổ chức HĐ:

*** Hoạt động: Phương pháp dạy học dự án:**

- GV đề xuất các câu hỏi nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài học và trả lời các câu hỏi đó. Sau đó GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm tìm hiểu của mình trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung, GV kết luận.

- Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi thực hiện bài giảng hoặc sau khi đã nghiên cứu xong bài học.

- Đề xuất các câu hỏi nghiên cứu:

1. Hãy cho biết thành phần của mì chính ? Tại sao thức ăn có ướp mì chính khi ăn cảm giác ngon miệng ? Tác hại đối với trẻ nhỏ khi sử dụng mì chính quá nhiều?

2. Khi lặn xuống biển người thợ lặn thường uống một ít nước mắt còt ? Giải thích việc làm này ?

c. Sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động:

- Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung đã được hướng dẫn nghiên cứu.
- Đánh giá giá kết quả hoạt động.

Tiết 3: PEPTIT, PROTEIN

Hoạt động trải nghiệm kết nối

a. Mục tiêu hoạt động:

Huy động các kiến thức đã được học của HS và tạo nhu cầu tiếp tục tìm hiểu kiến thức mới của HS.

Nội dung HĐ: + Khái niệm và phân loại, danh pháp của peptit.

+Tìm hiểu khái niệm, tính chất vật lí, tính chất hóa học, ứng dụng của peptit, protein.

b. Phương thức tổ chức HĐ:

**** Hoạt động 1: Phương pháp dạy học dự án:***

- GV đề xuất các câu hỏi nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài học và trả lời các câu hỏi đó. Sau đó GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm tìm hiểu của mình trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung, GV kết luận.

- Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi thực hiện bài giảng hoặc sau khi đã nghiên cứu xong bài học.

- Đề xuất các câu hỏi nghiên cứu:

1. Tại sao khi nấu canh cua gạch cua nổi lên ?
2. Khi nấu thịt, cá với rau quả có vị chua thì nhanh nhừ hơn ? Nguyên nhân ?
3. Giải thích hiện tượng trứng để lâu ngày, khi luộc chín quả trứng thường có một lớp màu đen bao quanh lòng đỏ trứng ? Hoặc trứng luộc cho vào nước mắm ăn sau một thời gian phát hiện trứng từ màu trắng chuyển sang màu đen?
4. Nêu hiện tượng xảy ra khi vắt chanh vào sữa tươi ? giải thích ? Uống sữa lúc này có ngộ độc không? Liên hệ cách làm đậu phụ từ đậu nành ? Làm fomat từ sữa tươi ?
5. Nguyên nhân gây vón cục sữa tươi khi để lâu trong không khí ?
6. Khi bị ngộ độc bởi chì trong thức ăn, người ta khuyên nên uống ngay nhiều sữa. Giải thích việc làm này ?
7. Tại sao nem chua sau thời gian ủ có thể ăn ngay mà không cần đun nấu?

**** Hoạt động 2: Hoạt động TNKN.***

- *Giao nhiệm vụ các nhóm:* GV chia lớp thành 2 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: Yêu cầu các nhóm về nhà thảo luận và hoàn thành bài báo cáo về chủ đề đã chọn. Các báo cáo có thể được trình bày dưới dạng video, poster hoặc bài trình chiếu powerpoint.

+ **Nhóm 1:** Quan sát quy trình làm đậu phụ tại nơi chế biến đậu phụ của địa phương em ? Báo cáo kết quả quan sát được trước lớp ?

+ **Nhóm 2:** Nêu quy trình làm fomat và nhóm tiến hành làm fomat rồi báo cáo kết quả trước lớp ?

c. Sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động:

- Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung nghiên cứu.

- Đánh giá kết quả hoạt động:

+ Thông qua câu trả lời của HS và ý kiến bổ sung của HS khác, GV biết được HS đã có được những kiến thức nào, những kiến thức nào cần phải điều chỉnh, bổ sung ở các HĐ tiếp theo.

CHỦ ĐỀ 4 : POLIME VÀ VẬT LIỆU POLIME

Hoạt động trải nghiệm, kết nối

a. Mục tiêu hoạt động:

Huy động các kiến thức đã được học của HS và tạo nhu cầu tiếp tục tìm hiểu kiến thức mới của HS.

Nội dung HĐ: Tìm hiểu khái niệm, phân loại, cách gọi tên polime; các loại vật liệu polime.

b. Phương thức tổ chức hoạt động:

*** Hoạt động 1: Phương pháp dạy học dự án:**

- GV đề xuất các câu hỏi nghiên cứu, chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm tìm hiểu và trả lời các câu hỏi đó. Sau đó GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm tìm hiểu của mình trước lớp, các HS khác nhận xét và bổ sung, GV kết luận. Các báo cáo có thể được trình bày dưới dạng video, poster hoặc bài trình chiếu powerpoint.

- Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi thực hiện bài giảng hoặc sau khi đã nghiên cứu xong bài học.

- Đề xuất các câu hỏi nghiên cứu:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về chất dẻo.

1. Nhu cầu sử dụng các đồ dùng, vật dụng được làm từ chất dẻo hiện nay như thế nào ? Đưa ra các số liệu để chứng tỏ ảnh hưởng của chất dẻo đến môi trường?

2. Chất dẻo có thể thay thế vật liệu nào trong chế tạo các đồ gia dụng, thiết bị, máy móc, dụng cụ y tế. Ứng dụng đó của chất dẻo là do tính chất hóa học, vật lý hay cơ học tạo ra?

3. Vì sao đồ nhựa dùng lâu ngày bị biến màu và trở nên giòn?

4. Dùng bao bì bằng chất dẻo để đựng thực phẩm có lợi và bất lợi như thế nào? Cách khắc phục những bất lợi đó?

5. Vì sao túi nylon lại khó bị phân hủy trong môi trường nước, đất và không khí? Các bạn hãy đề xuất thêm các biện pháp sử dụng đồ vật làm bằng chất dẻo an toàn, hiệu quả?

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về tơ.

1. Hãy tìm hiểu một số ứng dụng của tơ thiên nhiên trong đời sống và sản xuất, cho biết các ứng dụng đó có liên quan gì đến tính chất vật lý và hóa học của polime được dùng làm tơ? Hãy thu thập những thông tin về ảnh hưởng chất phế thải tơ thiên nhiên đến môi trường?

2. Hãy tìm hiểu một số ứng dụng của tơ bán tổng hợp trong đời sống và sản xuất, cho biết các ứng dụng đó có liên quan gì đến tính chất vật lý và hóa học của polime được dùng làm tơ? Hãy thu thập những thông tin về ảnh hưởng của chất phế thải nó đến môi trường?

3. Hãy tìm hiểu một số ứng dụng của tơ tổng hợp trong đời sống và sản xuất, cho biết các ứng dụng đó có liên quan gì đến tính chất vật lý và hóa học của polime được dùng làm tơ? Hãy thu thập những thông tin về ảnh hưởng của chất phế thải cao su đến môi trường?

4. Có nên giặt quần áo được làm từ nylon, tơ tằm, ... bằng xà phòng có môi trường kiềm không?

5. Nêu cách phân biệt được lụa sản xuất từ tơ nhân tạo (tơ visco, tơ axetat) và tơ thiên nhiên?

+ Nhóm 3: Tìm hiểu về cao su.

1. Hãy tìm hiểu một số ứng dụng của cao su trong đời sống và sản xuất, cho biết các ứng dụng đó có liên quan gì đến tính chất vật lý và hóa học của polime được dùng làm cao su? Hãy thu thập những thông tin về ảnh hưởng của chất phế thải cao su đến môi trường?

2. Tác dụng lưu hóa cao su? Nêu các phương pháp lưu hóa cao su tự nhiên và cao su nhân tạo?

3. Hãy cho biết tác hại của việc dùng xăm ô tô để vận chuyển rượu uống, dùng can nhựa được làm từ nhựa PVC hoặc nhựa phenolfomandehit để ngâm rượu thuốc? Giải thích?

4. Hãy đưa ra các minh chứng về khả năng sản xuất cao su ở nước ta?

*** Hoạt động 2: Hoạt động TNKN.**

- *Giao nhiệm vụ các nhóm:* GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: mỗi nhóm làm ít nhất 2 đồ chơi, vật dụng hữu ích từ các vật liệu phế thải polime.

c. Sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động:

- Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung nghiên cứu.

- Đánh giá giá kết quả hoạt động:

+ Thông qua quan sát: Trong quá trình HS HĐ nhóm, GV cần quan sát kỹ tất cả các nhóm, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc của HS và có giải pháp hỗ trợ hợp lý.

+ Thông qua báo cáo các nhóm và sự góp ý, bổ sung của các nhóm khác, GV biết được HS đã có được những kiến thức nào, những kiến thức nào cần phải điều chỉnh, bổ sung ở các HĐ tiếp theo.

3.2. Thiết kế kế hoạch dạy học minh họa.

Và sau đây, để minh họa rõ hơn cho việc sử dụng phương pháp dạy học dự án, dạy học TNKN. Chúng tôi xin trình bày một thiết kế kế hoạch bài dạy cụ thể, bài “Lipit” như sau:

KẾ HOẠCH DẠY BÀI LIPIT.

I- MỤC TIÊU.

1. Năng lực hóa học.

1.1. Năng lực nhận thức hóa học.

(1) Trình bày được khái niệm lipit, chất béo, tính chất vật lý, tính chất hóa học, ứng dụng chất của chất béo.

(2) Trình bày được sự chuyển hóa chất béo lỏng thành chất béo rắn, mục đích của việc chuyển hóa.

1.2. Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học.

(3) Trải nghiệm thực tế tìm hiểu quy trình chế biến dầu ăn từ lạc. Từ đó thuyết trình các quy trình ép dầu đậu phộng.

1.3. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

(4) Vận dụng được kiến thức để giải quyết một số vấn đề như:

- Cách sử dụng chất béo có hiệu quả đảm bảo sức khỏe.
- Cách khai thác chất béo hợp lý, hiệu quả cao.
- Nguyên nhân dẫn đến chất béo bị ôi thiu, tác hại chất béo ôi thiu, chất béo qua chiên rán.

2. Phẩm chất.

(5) Chăm chỉ: Chủ động thực hiện nhiệm vụ để thu thập, khám phá vấn đề.

(6) Trung thực: có ý thức báo cáo các kết quả đã thu thập chính xác, khách quan qua trải nghiệm thực tế.

(7) Trách nhiệm: Tự giác hoàn thành công việc thu thập các dữ liệu, thí nghiệm mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

3. Năng lực chung.

(8) Tự chủ - tự học: Nghiên cứu SGK và các tài liệu khác như Google để tìm hiểu nguồn sinh ra chất béo tính chất vật lý, ứng dụng và tác hại của nó. Tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, tự quyết định cách tìm hiểu về thí nghiệm tính chất vật lý, tính chất hóa học và ứng dụng chất béo. Tự thiết kế bài thuyết trình bằng phần mềm Microsoft Powerpoint.

(9) Giải quyết vấn đề - Sáng tạo: Chủ động đề xuất kế hoạch để khám phá vai trò và cách sử dụng chất béo hợp lý.

(10) Giao tiếp và hợp tác: Tham gia đóng góp ý kiến, tiếp thu sự góp ý, hỗ trợ các thành viên trong nhóm và nhóm khác. Thảo luận nhóm, nhận xét hoạt động của nhóm khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Chuẩn bị của giáo viên.

- *Trước khi dạy một tuần chia nhóm, phân công nhiệm vụ của từng nhóm.*

Giao nhiệm vụ các nhóm:

* GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: Yêu cầu các nhóm về nhà thảo luận và hoàn thành bài báo cáo về chủ đề đã chọn. Các báo cáo có thể được trình bày dưới dạng video, poster hoặc bài trình chiếu powerpoint.

* Chuẩn bị: Chai dầu đậu nành simply, nước, bezen,... các dụng cụ cần thiết khác để làm thí nghiệm .

+ **Nhóm 1:** +Tham quan một cơ sở ép dầu đậu phộng tại địa phương, viết báo cáo về quy trình sản xuất. Báo cáo kết quả quan sát quy trình chế biến đó trước lớp? (Có video kèm theo, làm trước tiết học)

+ Chuẩn bị các mẫu vật dầu thực vật, mỡ động vật, nước, dung môi hữu cơ; làm thí nghiệm thử tính tan trong nước và trong dung môi hữu cơ, giải thích hiện tượng quan sát được ? (Biểu diễn và thuyết trình trong tiết học)

+ **Nhóm 2:** Dựa vào cấu tạo dự đoán tính chất hóa học chất béo ? (Dùng giấy A0 hoặc bảng phụ)

+ **Nhóm 3:** Nghiên cứu vai trò của chất béo trong đời sống con người? Đề xuất các giải pháp sử dụng chất béo an toàn ? (Dùng Powerpoint để thiết kế và thuyết trình)

+ **Nhóm 4:** Quan sát các chỉ số ghi trên lọ dầu đậu nành simply ? Em hãy cho biết ý nghĩa các chỉ số đó ? Cho biết các ưu điểm vượt trội của dầu thực vật so với

mỡ động vật ? Trong loại dầu này có thành phần chất béo chuyển hoá không? Nếu có thì có tốt không? Chất béo chuyển hoá là gì? Thường có ở đâu?

(Thuyết trình trực tiếp)

- GV chia nhóm thành 4 nhóm, tương ứng 4 tổ HS. Yêu cầu HS trong nhóm bầu ra nhóm trưởng và thư kí tổng hợp ý kiến.

- GV: hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin trên mạng, nhắc một số lưu ý khi thiết kế porwerpoint, cách làm đoạn video, cách cho điểm để HS có thể tự đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm và bài của nhóm khác.

-HS: Chủ động phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Máy tính/máy tính bảng/ điện thoại có internet (mỗi HS một máy hoặc một cặp, một nhóm một máy tùy thuộc điều kiện)

- Thông qua hướng dẫn của GV, HS hợp tác trong môi trường số qua nhóm Zalo/Messenger, Google classroom/ Microsoft Teams để hoàn thành phiếu giao việc của giáo viên.

- Cài đặt và sử dụng phần mềm Word hoặc Microsoft Powerpoint để thiết kế bài thuyết trình mà giáo viên đã giao tìm hiểu ở nhà.

- Gửi sản phẩm trước cho giáo viên qua Zalo/Messenger hoặc gmail.

III- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC .

Hoạt động 1: ĐẶT VẤN ĐỀ.

(10 phút)

Mục tiêu:

- Xác định được vấn đề cần tìm hiểu trong tiết học.
- Tạo hứng thú cho học sinh bước vào bài học.
- Kiểm tra việc hoàn thành nhiệm vụ của HS mà giáo viên đã giao việc.

Nội dung:

- Nêu khái niệm chất béo ? Các nguồn sinh ra chất béo em thường gặp ?
- Cách khai thác và sử dụng chất béo hợp lí ?
- Cho biết các ứng dụng của chất béo ? Các tác hại xảy ra khi sử dụng chất béo không hợp lí ?

Sản phẩm:

- Bài thuyết trình chất béo (nguồn sinh ra, tác dụng, tác hại và một số biện pháp sử dụng chất béo hợp lí ,hiệu quả cao .

Cách thức thực hiện:

- GV nhận xét sản phẩm (*bài thuyết trình bằng powerpoint của HS đã gửi trước*) của các nhóm (*dùng phiếu đánh giá theo tiêu chí, cho điểm*).
- GV chọn nhóm có kết quả tốt nhất thuyết trình.
- GV chốt lại kiến thức và đặt vấn đề vào bài mới: Vậy các ứng dụng, tác hại và cách sử dụng chất béo hiệu quả nâng cao sức khỏe con người ?

Thiết bị số/ phần mềm được sử dụng: Máy tính/máy tính bảng/ điện thoại có internet; máy chiếu hoặc tivi thông minh; công cụ Google search, Zalo/Messenger , Microsoft Teams hoặc gmail, phần mềm Word, Microsoft Powerpoint để thiết kế và thuyết trình.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nhiệm vụ 1: TÌM HIỂU VỀ CHẤT BÉO .**

(Nhóm chuyên gia hoạt động 10 phút)

Mục tiêu:

- Thông qua các hoạt động mỗi nhóm học sinh tìm hiểu được một mảng kiến thức sau
 - + Nêu được khái niệm chất béo? Viết công thức chung của chất béo? Làm thí nghiệm biết được tính chất vật lý của chất béo .
 - + Trình bày tính chất hóa học của chất béo(có tính chất của este). Viết thành thạo một số phản ứng chứng minh chất béo có phản ứng thủy phân trong môi trường axit và trong môi trường kiềm ?
 - + Phân biệt được chất béo lỏng, chất béo rắn ở điều kiện thường. Cách chuyển hóa chất béo lỏng thành chất béo rắn.
 - + Biết liên hệ kiến thức về chất béo vào thực tiễn.

Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ cho từng nhóm

Nhóm 1: Tìm hiểu về cấu tạo, tính chất vật lý, báo cáo thí nghiệm tính chất vật lý trước lớp .

Hình ảnh hoạt động:



-Báo cáo quy trình ép dầu đậu phộng tại địa phương đã tham gia trải nghiệm tuần trước đó cho cả lớp theo dõi .(Dùng Powerpoint để thiết kế và thuyết trình)

Nhóm 2: Dựa vào cấu tạo dự đoán tính chất hóa học chất béo ? (Dùng giấy A0 hoặc bảng phụ)

Hình ảnh hoạt động:





Nhóm 4: Quan sát các chỉ số ghi trên lọ dầu đậu nành simply ? Em hãy cho biết ý nghĩa các chỉ số đó ? (Thuyết trình trực tiếp)

Hình ảnh hoạt động:



Sản phẩm: Giáo viên yêu cầu học sinh đánh giá chéo sản phẩm từng nhóm ,sau đó giáo viên nhận xét ,bổ sung ...?

Tổ chức thực hiện:

- GV chia 4 nhóm chuyên gia, mỗi nhóm 8-10 HS và thông báo công việc mỗi nhóm thông qua phiếu học tập.
- GV lưu ý HS đảm bảo nghiêm túc và an toàn trong khi sử dụng thiết bị thông minh như máy tính/máy tính bảng/ điện thoại có internet...

- HS tìm hiểu qua tài liệu, Google search... thảo luận nhóm và điền các thông tin còn thiếu vào phiếu học tập .
- GV quan sát các nhóm làm việc, ghi lại những điểm tốt, những thiếu sót trong quá trình làm việc của các nhóm để nhận xét, thảo luận sau đó.

Thiết bị số/ phần mềm được sử dụng: Máy tính/máy tính bảng/ điện thoại có internet; công cụ Google search; phần mềm Crocodile Chemistry/Flash.

Nhiệm vụ 2: TỔNG HỢP KIẾN THỨC VỀ CHẤT BÉO .

(Nhóm mảnh ghép hoạt động 10 phút)

Mục tiêu:

- Tất cả HS các nhóm lĩnh hội được toàn bộ kiến thức mà các thành viên của nhóm chuyên gia thuyết trình.
- Thực hiện tổng kết kiến thức qua sơ đồ tư duy.

Nội dung:

Tổng hợp lại kiến thức mà nhóm chuyên gia đã lĩnh hội nhằm hình thành kiến thức chất béo cho HS.

Sản phẩm: - Kết quả (mỗi HS) phiếu học tập

- Nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy.

Tổ chức thực hiện:

- Mỗi HS trong nhóm chuyên gia thuyết trình kết quả của nhóm mà mình phụ trách.
- HS khác đặt câu hỏi và giải thích thắc mắc (nếu có).
- Mỗi HS hoàn thành phiếu học tập .
- Thống nhất và thiết kế sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức về chất béo.
- Trình chiếu sơ đồ tư duy trước lớp.

Thiết bị số/ phần mềm được sử dụng: Máy tính/máy tính bảng/ điện thoại có internet; máy chiếu hoặc tivi thông minh; phần mềm Mindmap/Coggle.it.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

(khoảng 10 phút)

Mục tiêu: Rèn kỹ năng liên hệ thực tiễn các vấn đề liên quan đến kiến thức về chất béo

Nội dung: HS luyện tập kiến thức về chất béo thông qua các câu hỏi liên hệ thực

tiền : 1. Tại sao có thể dùng dầu ăn để làm sạch nhựa mít ? 2. Cho biết thành phần chính của dầu mỡ bôi trơn máy ? So sánh với thành phần chính của dầu ăn ? 3. Hãy giải thích vì sao dầu mỡ để lâu ngày có mùi khó chịu ? Tại sao dầu thực vật nhanh bị ôi thiu hơn mỡ động vật? Hãy cho biết phương pháp để hạn chế sự ôi thiu của dầu mỡ?
Sản phẩm : Nội dung trả lời của học sinh.
Tổ chức thực hiện . - V thông qua câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời . + HS giờ tay phát biểu. + Mỗi một câu trả lời đúng được tính điểm cộng vào điểm thường xuyên. + Sau đó cho học sinh khác nhận xét ,GV tổng kết và bổ sung kiến thức còn thiếu.
Thiết bị số/ phần mềm được sử dụng: Máy tính; máy chiếu hoặc tivi thông minh; phần mềm Microsoft Powerpoint để tạo hiệu ứng trò chơi.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG. (khoảng 5 phút)

Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học về béo để giải thích : 1. Vì sao phải khuyến cáo những người bị huyết áp cao cần phải hạn chế sử dụng mỡ động vật ? 2. Nêu cách chuyển hóa chất béo lỏng thành chất béo rắn ? Mục đích của việc chuyển hóa này ? 3. Tại sao không nên sử dụng lại dầu mỡ đã qua chiên rán để sử dụng chế biến trong thức ăn? *Thông điệp: <i>Khuyến cáo dầu đã chiên rán nên tận dụng để tái chế thành nhiên liệu.</i>
Nội dung: Vận dụng tính chất chất béo bị oxi hoá bởi không khí để giải quyết vấn đề giáo viên yêu cầu.
Sản phẩm: Câu trả lời của HS .
Tổ chức thực hiện. - GV yêu cầu học sinh trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn. - GV nhận xét ,bổ sung và chấm điểm cho từng câu trả lời .

- Giao nhiệm vụ về nhà cho HS: Vận dụng kiến thức đã học về nhà tìm hiểu và trả lời câu hỏi :

1 .Cho biết thành phần chính của dầu mỡ bôi trơn máy ? So sánh với thành phần chính của dầu ăn ?

Cho biết các ưu điểm vượt trội của dầu thực vật so với mỡ động vật ? Trong loại dầu này có thành phần chất béo chuyển hoá không? Nếu có thì có tốt không? Chất béo chuyển hoá là gì? Thường có ở đâu?

Hãy giải thích tại sao về mùa đông khi nhiệt độ xuống thấp có một số hãng dầu ăn bị đông lại thành một lớp màu trắng phía dưới giống như mỡ, còn một số loại khác vẫn không thay đổi trạng thái ?

* Giáo viên sẽ kiểm tra trong tiết học tiếp theo.

Thiết bị số/ phần mềm được sử dụng: Máy tính có mạng; máy chiếu hoặc tivi thông minh; công cụ Google search

VI. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.

VI.1. Đối tượng dạy học:

* Về mức độ tham gia vào các hoạt động học của HS:

Số lượng	Lớp	Thái độ học tập
45	12B	Đa số HS chăm ngoan, chịu khó học hỏi, tích cực, hứng thú trong các hoạt động.
43	12C	

VI.2. Một số hình ảnh trong giờ học.

Các nhóm tiến hành trải nghiệm sáng tạo.

- Tham quan một cơ sở ép dầu ở địa phương (Có video kèm theo).







- Tham quan một cơ sở sản xuất đậu phụ ở địa phương (Có video kèm theo).







- Làm thí nghiệm về tính tan của chất béo.





- Làm thí nghiệm phản ứng của hồ tinh bột với dung dịch I_2 .



Đại diện các nhóm thuyết trình và báo cáo sản phẩm



Đại diện các nhóm thuyết trình và báo cáo sản phẩm (có video kèm theo)



Đại diện các nhóm thuyết trình và báo cáo sản phẩm (có video kèm theo)



Đại diện các nhóm thuyết trình và báo cáo sản phẩm (có video kèm theo)





VI.3. Kết quả khảo sát thăm dò ý kiến.

Sau khi áp dụng các giải pháp trong sáng kiến kinh nghiệm thực nghiệm trên 2 lớp 12B và 12C (tổng số HS 2 lớp là 88 HS), chúng tôi đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến, với nội dung khảo sát như sau:

STT	Câu hỏi	Mức độ		
1	Chuẩn bị cho bài học mới có làm mất nhiều thời gian của em không?	Nhiều	Bình thường	Ít
2	Em tiếp nhận kiến thức mới như thế nào?	Chủ động	Bình thường	Thụ động
3	Em thấy giờ học có hấp dẫn với bản thân không?	Hấp dẫn	Bình thường	Không
4	Em hiểu được nội dung kiến thức trong bài cần lĩnh hội không?	Hiểu	Bình thường	Khó hiểu
5	Em đánh giá giờ học phát huy tính sáng tạo cho học sinh như thế nào?	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
6	Em có mong muốn được học những giờ học như thế này không?	Mong muốn	Bình thường	Không mong muốn

Kết quả thu được như sau:

1. Việc chuẩn bị bài mới của học sinh?

Mất nhiều thời gian	Bình thường	Mất ít thời gian
15,7%	30,8%	53,5%

2. Hình thức học sinh tiếp nhận được kiến thức

Chủ động	Bình thường	Thụ động
85,4%	14,6%	0%

3. Tính hấp dẫn của giờ học

Hấp dẫn	Bình thường	Không hấp dẫn
87,1%	12,9%	0%

4. Hiểu nội dung bài học:

Hiểu rõ	Bình thường	Khó hiểu
75,9%	17,8%	6,3%

5. Phát huy tính sáng tạo

Tốt	Bình thường	Chưa tốt
92,5%	7,5%	0%

6. Mong muốn được học những giờ học như vậy?

Mong muốn	Bình thường	Không mong muốn
90,9%	9,1%	0%

*** Tiểu kết:** Trong phần này, chúng tôi đã đưa ra được một số giải pháp hữu ích, sử dụng phương pháp dạy học tích cực như dạy học dự án, trải nghiệm kết nối, phương pháp đóng vai, dạy học STEAM... một cách có hiệu quả và thành công. Sau khi tiến hành thực nghiệm trên 2 lớp 12B và 12C, kết quả điều tra cho thấy:

- Các em học sinh 12B tập trung, huy động các thành viên tham gia và báo cáo tốt hơn học sinh lớp 12C. Một số học sinh trước đây còn lười học, thỉnh thoảng còn hay gục mặt trong giờ thì tiết học đã làm các em hứng thú hơn, chủ động tham gia vào các hoạt động và hăng hái phát biểu, xây dựng bài hơn.

- Đa số HS trong 2 lớp đều có hứng thú với tiết học này, các em thấy thoải mái và không bị nặng nề về việc tiếp thu kiến thức lí thuyết hóa học đặc biệt là những

học sinh thi tổ hợp tự nhiên. Các em hầu hết đều có mong muốn giáo viên sẽ tiếp tục có những bài học bổ ích như vậy để các em phát huy được tính tự giác, chủ động và sáng tạo của bản thân.

Chúng tôi cũng đã chia sẻ giải pháp với các đồng nghiệp trong tổ bộ môn, trong cuộc họp chuyên môn của nhà trường *“về việc khắc phục tình trạng lười học của học sinh và phát huy tính trải nghiệm sáng tạo trong học tập giúp học sinh chủ động, tự giác chiếm lĩnh kiến thức”*. Các anh chị đều thấy rất hữu ích và phù hợp với đối tượng học sinh của trường. Chúng tôi hy vọng rằng đây sẽ là tài liệu bổ ích không chỉ cho bản thân, anh chị đồng nghiệp trong tổ bộ môn của trường mà đó còn có tính tham khảo cao cho đồng nghiệp các trường khác trên địa bàn Nghệ An.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.

1. Kết luận:

Khi áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực với hoạt động trải nghiệm kết nối vào đầu mỗi bài học, giờ giảng của GV trở nên sinh động, hấp dẫn và có ý nghĩa. Người học là trung tâm nhưng vai trò, uy tín của người GV được đề cao hơn. Bên cạnh đó, khả năng chuyên môn của GV sẽ tăng lên nhờ áp lực của phương pháp, bởi nội dung kiến thức của từng bài học phải được GV chuẩn bị kỹ lưỡng bằng nhiều hình thức, GV phải cập nhật liên tục để đáp ứng các câu hỏi của người học trong thời đại thông tin rộng mở.

Học sinh thấy mình *được học* chứ không *bị học*. HS được huy động những kiến thức cũ một cách chủ động sáng tạo, không bị áp lực như những lần được giáo viên dò bài vào đầu buổi học thay vào đó HS chủ động tìm tòi kiến thức cũ, tìm hiểu kiến thức mới và được chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm thực tế gắn với bài.

Như vậy nhờ áp dụng sáng kiến này mà các tiết học của chúng tôi, HS đều hứng thú hơn với bài học, tạo tâm thế sẵn sàng để tiếp thu kiến thức mới một cách chủ động sáng tạo. Góp phần đạt được một số kết quả như sau:

- HS ghi nhớ sâu kiến thức và tăng khả năng áp dụng vào thực tế lên gấp 3-4 lần so với cách học thụ động một chiều.
- Giúp học sinh phát triển tư duy và hình thành được một số năng lực như: phát hiện giải quyết vấn đề, năng lực hệ thống hóa kiến thức, năng lực hợp tác... Một số kỹ năng như hoạt động nhóm, thuyết trình, tìm kiếm thông tin qua mạng internet, làm phóng sự, video...
- Góp phần nâng cao hứng thú học tập, chất lượng kiến thức của học sinh.
- Góp phần nâng cao chất lượng dạy học hóa học ở trường trung học phổ thông.

2. Khuyến nghị:

Theo định hướng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong giáo dục phổ thông yêu cầu tất cả các GV phải áp dụng một cách đồng bộ. Tuy nhiên để áp dụng đạt hiệu quả cao, chúng tôi xin đưa ra một số ý kiến sau:

- Người giáo viên phải nắm rõ mục tiêu bài học, trình độ chung của đối tượng học, sắp xếp thời gian hợp lý trong giờ học mới cuốn hút sự chú ý, tập trung của học sinh tạo không khí thoải mái trong tiết học, tạo được ý thức học tập và yêu thích bộ môn.
- Người giáo viên phải đi sâu nghiên cứu, thiết kế bài học, chuẩn bị sẵn những tư liệu cần thiết. Áp dụng tất cả những ý tưởng mới vào bài học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm.
- Đối với học sinh, các em cần phải nắm vững kiến thức cũ, có tinh thần chủ động, sáng tạo tìm tòi nghiên cứu các kiến thức liên quan.

- Để thực hiện giờ học thành công, hiệu quả cao hơn thì lớp học không quá đông, tốt nhất khoảng 30 – 35 học sinh giúp việc chia nhóm hoạt động sẽ tốt hơn.

- Về phía nhà trường chúng tôi có khuyến nghị:

+ Cần trang trí đầy đủ cơ sở vật chất như phòng học rộng rãi để học sinh dễ di chuyển khi tham gia các hoạt động trải nghiệm với phương pháp trạm, góc, kỹ thuật mảnh ghép...

+ Có trang bị các phòng máy chiếu, phòng nghe nhìn cho từng bộ môn.

+ Tăng cường nhận thức của CBQL, GV và HS về đổi mới giáo dục THPT.

+ Tăng cường công tác kế hoạch hóa hoạt động giảng dạy của GV .

Hoạt động giảng dạy của GV ở các trường THPT trong giai đoạn đổi mới giáo dục toàn diện tuy đạt được nhiều kết quả tốt, song vẫn còn những tồn tại nhất định. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy học, người GV cần phát huy hơn nữa vai trò chủ đạo, tích cực, tiên phong đổi mới PPDH, đổi mới đồng bộ và hiệu quả các quy trình dạy học từ việc lập kế hoạch giảng dạy, chuẩn bị trước giờ lên lớp, thực hiện chương trình dạy học đến việc tổ chức hoạt động dạy học trên lớp và KTĐG kết quả học tập của HS, tạo sức mạnh đồng thuận trong quá trình đổi mới toàn diện các hoạt động giáo dục

Nâng cao chất lượng dạy học là nhiệm vụ và yêu cầu bức thiết đối với những người làm công tác giáo dục. Trong tất cả các yếu tố góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thì “hoạt động giảng dạy là khâu then chốt”, nó định hướng, dẫn dắt các hoạt động giáo dục khác đi đúng mục tiêu. Vì thế, muốn khẳng định sự tồn tại và phát triển của bất kỳ một trường nào ở bất kỳ một thời điểm nào thì việc thực hiện tốt hoạt động giảng dạy phải được đặc biệt chú trọng.

Với cố gắng của bản thân, chúng tôi tin rằng tỉ lệ học sinh yêu môn Hóa học sẽ được giảm hơn nữa, tỉ lệ học sinh khá giỏi được nâng lên, tỉ lệ HS12 đậu tốt nghiệp tăng lên và đặc biệt học sinh yêu thích môn Hóa học nói riêng và các bộ môn trong chương trình THPT nói chung. Chúng tôi hi vọng góp một phần nhỏ nâng cao chất lượng dạy và học trong giai đoạn đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo của nền giáo dục Việt Nam trong những năm gần đây.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng kinh nghiệm còn ít, khả năng có hạn nên sáng kiến chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Kính mong quý cấp cùng quý đồng nghiệp đóng góp ý kiến thêm cho sáng kiến để những năm tiếp theo hoàn thiện và phong phú hơn để được áp dụng rộng rãi trong giảng dạy bộ môn hóa học khối trung học phổ thông.

Xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Sách giáo khoa và sách giáo viên Hóa học 12- Nguyễn Xuân Trường (Tổng Chủ biên) và cộng sự. NXB Giáo dục.
2. Sách Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Hóa học.
3. Tài liệu trên internet.

PHỤ LỤC
BIÊN BẢN LÀM VIỆC NHÓM

Lần thứ _____

Thời gian: _____ Địa điểm: _____

Tên nhóm: _____ Số lượng thành viên: _____

Thành viên vắng mặt: _____

Nội dung nhóm tìm hiểu:

Những việc đã làm được

Những việc chưa làm được

Cách giải quyết những việc chưa làm được

Ý kiến đề xuất

Người điều hành

Thư ký